TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Nguyên Hồng
2. Ông Phùng Quốc Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn A, xã YS, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H1, sinh năm 1982. Nơi ĐKNKT và nơi ở: Bản NC, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năn 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Lê Văn H1 kết hôn với nhau từ năm 2008 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được ủy ban nhân dân xã YS, HĐ, Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2008. Anh chị cũng được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục

tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã. Anh H1 thường xuyên đánh chị. Ngay cả trong khi chị mang thai con chung của vợ chồng anh H1 cũng đánh làm ảnh hưởng đến thai nhi. Đồng thời anh H1 còn dọa dẫm, chửi bới cả bố mẹ đẻ của chị. Hai vợ chồng anh chị sống ly thân từ lâu. Chị xác định nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên chị đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh H1 và chị H có một người con chung là cháu Lê Văn H2, sinh ngày 31/8/2009. Ngay sau khi chị sinh cháu H2 được 1 tháng thì anh chị sống ly thân. Chị ở lại nhà bố mẹ đẻ ở HĐ, Hà Nội. Còn chồng chị về ở tại xã HL, huyện MS, Sơn La. Chồng chị và bố mẹ chồng chị đã đón cháu H2 đi theo. Chị tìm cách để thăm gặp, chăm sóc cháu những lúc cháu ốm đau nhưng bị anh H1 cùng bố mẹ chồng ngăn cản. Do vậy, cháu H2 ở cùng bố từ nhỏ đến nay. Nguyện vọng của chị rất mong muốn được nuôi dưỡng cháu. Tuy nhiên, do chị cũng chưa có nhà cửa ổn định, phải đi làm xa. Hơn nữa, anh H1 cũng không đồng ý cho chị nuôi con nên chị chấp nhận giao cháu H2 cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2019, bị đơn anh Lê Văn H1 trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn anh H1 trình bày thống nhất với lời khai của chị H. Anh chị tự nguyện kết hôn, có đi đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Theo anh H1, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị cũng không phải là mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, sau khi kết hôn hai anh chị sống tại xã YS, HĐ. Sau khi chị Hoa sinh cháu H2 được 01 tháng 04 ngày thì bố đẻ chị H đến đón chị H về ngoại sống. Ông Nguyễn Văn L giao cháu H2 lại cho anh nuôi dưỡng. Từ đó chị H và gia đình chị H không quan tâm gì đến bố con anh. Sau đó mẹ đẻ anh đón bố con anh lên bản NC, xã HL, MS, Sơn La để tiện cho việc chăm sóc cháu H2 do cháu còn quá bé. Cho đến nay hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, cũng không có tình cảm với nhau. Tuy nhiên chị H đòi ly hôn thì anh không đồng ý anh không chấp nhận được việc chị H không hề có trách nhiệm gì với con chung của vợ chồng.

Về con chung: Từ khi mới hơn 1 tháng tuổi cháu H2 đã do anh nuôi dưỡng. Chị H không quan tâm gì đến con. Anh có nguyên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm gì với con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Hùng cố tình vắng mặt tại tòa án trong tất cả các lần triệu tập của Tòa. Chị H cũng có nguyện vọng do ở xa không thể đi lại nhiều lần được và cuộc sống vợ chồng không thể níu kéo được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân hiện tại của vợ chồng chị H, anh H1 thông qua việc xác minh đối với ông Trưởng bản NC, tiến hành ghi ý kiến của cháu Lê Văn H2.... Sau khi đã tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn mặc dù đã được tòa án giải thích những không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H1. Về con chung: Giao cháu Lê Văn H2, sinh ngày 31/8/2009 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có yêu cầu khác. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1 do anh H1 không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trong toàn bộ quá trình giải quyết

vụ án là được ly hôn với anh Lê Văn H1. Các đương sự có tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn. Anh H1 và chị H đăng ký kết hôn tại xã YS, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, hiện tại anh H1 có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại bản NC, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với cả nguyên đơn và bị đơn. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt (BL số 32), biên bản không tiến hành hòa giải được lập ngày 16/01/2019, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải và do đi làm xa không được nghỉ nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2019, bị đơn là anh Lê Văn H1 cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H1 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2008, anh chị đã được UBND xã YS, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2008, khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng anh chị không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, xô sát. Anh chị đã sống ly thân từ sau khi chị H sinh cháu Lê Văn H2 được hơn một tháng, không ai quan tâm đến ai. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương đã xác định: giữa anh H1 chị H có mâu thuẫn về tình cảm. Từ khi anh chị sống ly thân, anh H1 đưa cháu H2 về cư trú và sinh sống tại địa phương không thấy chị H nên hỏi thăm gì đối với anh H1 và con. Về phía anh H1, mặc dù anh không nhất trí ly hôn với chị H, nhưng anh H1 cũng xác định hai vợ chồng tình cảm không còn, không ai quan tâm đến ai từ lâu. Và anh chị cũng không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa. Anh không muốn ly hôn là do chị H không quan tâm đến con. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 mâu thuẫn đã trầm trọng, mục

đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H1.

[2.2] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lê Văn H2, sinh ngày 31/8/2009. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Ngay sau khi cháu H2 được hơn 01 tháng tuổi, cháu đã ở với anh H1 và do anh H1 trực tiếp chăm sóc cháu từ trước đến nay. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/3/2019, cháu H2 cũng có nguyện vọng được ở với bố. Chị H mặc dù cũng muốn nuôi con, tuy nhiên chị H không có công việc ổn định, không có nhà, nơi cư trú ổn định. Do vậy, HĐXX xét thấy để bảo đảm quyền lợi cho cháu H2 được phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, cần giao cháu H2 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc và giáo dục cháu cho đến khi cháu H2 đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có yêu cầu khác. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1 do anh H1 không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 đều xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung. Do vậy, Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

. 1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn H2 sinh ngày 31/8/2009 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1 do anh H1 không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001840 ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã YS;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga